

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2025/LĐ-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Ngọc Điệp;
- Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố A, tổ G, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV C; Địa chỉ: Số E, đường N, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1985, địa chỉ: Số E đường N, khu phố F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2025). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội Cơ sở T2; Địa chỉ: Khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thanh N, chức vụ: Giám đốc - là người đại diện theo pháp luật, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T làm việc tại Công ty TNHH MTV C (sau đây gọi tắt là Công ty C) từ tháng 11/2022, có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn và được tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 11/2022 trên mã bảo hiểm xã hội số 7409155472. Ngày 16/10/2023, bà T và Công ty C giao kết hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương 5.500.000 đồng/tháng, chức danh chuyên môn: Công nhân may. Từ tháng 8/2024 đến tháng 01/2025, bà T nghỉ chế độ thai sản. Ngày 01/02/2025, bà T chính thức nghỉ việc (có viết đơn xin nghỉ việc đảm bảo thời gian báo trước theo quy định), tuy nhiên, đến nay Công ty C vẫn chưa chốt sổ BHXH cho bà T. Theo ghi nhận trên ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VSSID), Công ty đang có thời gian chậm đóng bảo hiểm cho bà T là 11 tháng (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024).

Được biết, theo quy định tại Khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của B: “Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN bao gồm: cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động.” Điểm a, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định: “Đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động tại đơn vị nợ BHXH, thì người lao động và đơn vị sử dụng lao động được đóng bù BHXH riêng cho trường hợp đó để giải quyết quyền lợi BHXH, cũng như chuyển nơi tham gia BHXH khi chấm dứt hợp đồng lao động”. Tuy nhiên, công ty không thực hiện đóng và chốt sổ BHXH cho bà T theo những quy định trên.

Nhận thấy việc Công ty C không đóng BHXH, BHTN, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN cho bà T là vi phạm quy định tại Điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về các hành vi bị nghiêm cấm; vi phạm điểm a, Khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 về trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, bà T khởi kiện Công ty C yêu cầu: Đóng đủ Bảo hiểm xã hội (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024) và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội cho bà.

Bị đơn Công ty TNHH MTV C (sau đây gọi tắt là Công ty C) trình bày: Thống nhất trình bày của bà T. Bà T làm việc tại Công ty C từ tháng 11/2022, có ký hợp đồng lao động với chức danh là công nhân may. Sau khi nhận được đơn xin nghỉ việc của bà T, Công ty C đã chấm dứt Hợp đồng lao động với bà T từ ngày 01/02/2025. Về nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ&BNN), theo bảng Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ&BNN ngày 20/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 xác nhận Công ty C đã đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ&BNN đến tháng 8/2024. Như vậy, Công ty C chưa đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng

9/2023 đến tháng 7/2024 với số tiền là 15.125.000 đồng.

Lý do Công ty C chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động đối với thời gian nêu trên là vì Công ty C gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh dẫn đến thua lỗ kéo dài. Công ty C đang cố gắng sắp xếp thanh toán các nghĩa vụ tài chính cho người lao động. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty C có ý kiến như sau: Công ty C đã đóng BHTN, BHYT, BHTNLD&BNN đến tháng 8/2023 nên Công ty C xác nhận còn chưa đóng BHXH cho bà T từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024 với số tiền 15.125.000 đồng. Tuy nhiên vì những khó khăn đã nêu như trên, Công ty C chưa thể đóng tiền BHXH ngay cho bà T. Công ty C sẽ cố gắng sắp xếp để hoàn thành nghĩa vụ sớm cho bà T trong thời gian tới. Sau khi thanh toán hoàn tất tiền Bảo hiểm xã hội, Công ty C sẽ tiến hành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN và bàn giao tờ rời cho nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên trình bày: Công ty C bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD - BNN) cho bà T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở T2) từ tháng 11/2022 đến tháng 01/2025 (thời gian từ tháng 8/2024 đến tháng 01/2025 bà T nghỉ thai sản theo chế độ). Từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024, Công ty C chưa thanh toán bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD - BNN) cho bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng lao động, cụ thể là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH MTV C, có trụ sở tại số E, đường N, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội, đến cuối tháng 01/2025, nguyên đơn chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn. Việc chấm dứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên bị đơn không hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2] Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 xác nhận Công ty C có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 (Công ty C đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 8/2023), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu. Bị đơn Công ty C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với bị đơn Công ty TNHH MTV C về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

Buộc Công ty TNHH MTV C phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Mỹ T từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu.
- Công ty TNHH MTV C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND khu vực 15 – TP.HCM;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên